TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 268/2023/HSST Ngày 11/9/2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Tống Thị Điệp;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình- Kiểm sát viên;

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 267/2023/HSST, ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2023/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHAN THỊ X**; Sinh ngày 19 tháng 11 năm 1981; Tại: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Văn L và bà Trần Thị P; Bị cáo có chồng là Phạm Văn N và có 02 con, con lớn sinh năm 2002; con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/6/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại:

1. Anh Phạm Trần Kim Đ, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị X có người quen là anh Trần Đình H (là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ hợp tác Q). Tháng 5 năm 2020 Công ty cổ phần dịch vụ hợp tác Q đặt văn phòng tại địa chỉ đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để tư vấn, tiếp nhận thông tin, lý lịch của người xuất khẩu lao động tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Anh H nói với X giới thiệu người đi xuất khẩu lao động nước ngoài sẽ được hưởng hoa đồng. Sau đó, anh Trần Đình H đưa cho Phan Thị X tài liệu, hồ sơ pháp lý của Công ty cổ phần dịch vụ hợp tác Q; Công văn số 986/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 30/5/2019 của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Lắk (bản photo) gửi Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố với nội dung: "Hỗ trợ Công ty CP dịch vụ hợp tác Q trong hoạt động tư vấn, tuyển lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đối với Chi nhánh văn phòng Công ty CP dịch vụ hợp tác Q tại TP Buôn Ma Thuột thì cán bộ, nhân viên hoặc người môi giới không được phép thu tiền (phí tuyển chọn) của người lao động mà chỉ tư vấn, tiếp nhận thông tin, lý lịch của người lao động, còn việc đóng tiền, thu tiền thì phải ra trực tiếp trụ sở Công ty CP dịch vụ hợp tác Q tại đường N, khu nhà ở và dịch vụ công cộng, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội để nộp tiền có biên lai, phiếu thu và nộp hồ sơ trực tiếp". Công ty cổ phần dịch vụ hợp tác Q chỉ được cấp phép đưa người đi xuất khẩu lao động ở các nước là Nhật Bản và Đài Loan. Nhưng do Phan Thị X không có nghề nghiệp ổn định, nợ tiền của người khác không có khả năng trả nợ nên đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của người làm thủ tục hồ sơ đi xuất khẩu lao động. Để tạo lòng tin cho nhiều người liên hệ với X đăng ký làm hồ sơ, thủ tục đi xuất khẩu lao động tại các nước Nhật Bản, Đài Loan. X đã tự nghĩ ra và nhờ ngươi tên D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đặt một con dấu vuông lấy tên công ty là "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC T; đường H, P. T, TP BMT: Email: truongthinh@gmail.com" và mượn văn phòng địa chỉ đường H, phường T, thành phố B của anh Nguyễn Hữu L (là người quen của X, đang mở văn phòng Công ty Xây dựng T tại địa chỉ đường H, phường T) để làm văn phòng cho người lao động đến nộp hồ sơ và tổ chức thu tiền. Phan Thị X còn tự mua 02 quyển sổ phiếu thu (không có dấu của đơn vị thuế) đã đóng sẵn dấu vuông tên công ty: "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC T; đường H P. T, TP BMT; Email: truongthinh@gmail.com" để sau khi nhận tiền thì X sẽ viết phiếu thu về việc nhận tiền và giao phiếu thu cho người lao động để người đi xuất khẩu lao động tin tưởng giao tiền.

Đến tháng 01 năm 2020 Phan Thị X biết được Chương trình lao động thời vụ VISA E8 (là visa lao động ngắn hạn khoảng 05 tháng) tại Hàn Quốc, với tổng chi phí vé máy bay, hoàn thiện hồ sơ xin visa, tiền đảm bảo khoảng 30.000.000 đồng, số lần gia hạn không giới hạn, lương tối thiểu 1.500.000 won/tháng (khoảng 30 triệu đồng/tháng). Tuy nhiên, chương trình lao động thời vụ VISA E8 trên thì

không có công ty, tổ chức hoặc cá nhân nào được phép đưa người lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc đồng thời tại tỉnh Đắk Lắk chưa triển khai trương trình trên, do đó người lao động có hộ khẩu tại tỉnh Đắk Lắk không đi xuất khẩu lao động thời vụ ngắn hạn Visa E8 tại Hàn Quốc được. Tuy nhiên, X đưa ra thông tin gian dối về việc X sẽ nhận tiền, làm hồ sơ thủ tục đưa người lao động đi xuất khẩu ở Hàn Quốc theo chương trình lao động thời vụ ngắn hạn Visa E8 trên được và tổ chức thu của mỗi người lao động đến liên hệ với số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng hoặc tổng số tiền chi phí đi là 30.000.000 đồng. Lúc này X nhờ ông Lê Hữu T (là người quen của X) để ông T môi giới, nhận hồ sơ, nhận tiền của người lao động đến liên hệ nộp hồ sơ và tổ chức thu tiền. Đến tháng 3 năm 2020 anh Phạm Trần Kim Đ thông qua môi giới đã liên hệ với Phan Thị X nhờ làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động thì X đồng ý, tư vấn cho anh Đ chương trình lao động thời vụ VISA E8 (là visa lao động ngắn hạn khoảng 05 tháng) tại Hàn Quốc và nói anh Đ đến địa chỉ của Công ty của X tại địa chỉ: đường H, phường T, thành phố B để đóng tiền. Sau đó X gọi điện thoại cho ông Lê Hữu T nói có trường hợp anh Phạm Trần Kim Đ đến đặt cọc tiền đi xuất khẩu lao động. Ông T không biết X đưa ra thông tin gan dối để chiếm đoạt tiền của anh Đ nên đồng ý thu tiền giúp X. Ông T viết phiếu thu số tiền 22.000.000 đồng đặt cọc đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc của anh Đ. Sau đó ông T đã đến chi nhánh ngân hàng BIDV ở thành phố B chuyển hết số tiền 22.000.000 đồng vào tài khoản số X của Phan Thị X. Đến ngày 21 tháng 7 năm 2020 Phan Thị X liên hệ với anh Đ đưa ra thông tin gian dối là làm hồ sơ cho anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh Đ tin tưởng là thật nên đã đưa cho X số tiền 85.000.000 đồng. X lập phiếu thu có đóng dấu vuông tên "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC T; đường H, P. T, TP BMT; Email: truongthinh@gmail.com" . Sau khi nhận được của anh Phạm Trần Kim Đ tổng số tiền 107.000.000 đồng Phan Thị X không làm hồ sơ cho anh Đ đi xuất khẩu lao động mà dùng hết vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 thông qua mạng xã hội anh Nguyễn Văn H biết Phan Thị X có tư vấn, làm thủ tục, tổ chức đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. H hỏi X làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thế nào thì X đưa ra thông tin gian dối là X lo toàn bộ giấy tờ thủ tục gồm vé máy bay, chi phí dịch vụ công việc, còn H phải chuyển số tiền 30.000.000 đồng. Anh H tin tưởng là thật nên vào các ngày 10/5/2020 và ngày 15/5/2020 tại ngân hàng Viettinbank chi nhánh xã H, thành phố Bt, anh H đã chuyển tổng số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số X của Phan Thị X. Sau khi nhận được của anh Nguyễn Văn H tổng số tiền 30.000.000 đồng Phan Thị X không làm hồ sơ cho anh H đi xuất khẩu lao động mà dùng hết vào việc trả nợ và tiêu xái cá nhân hết.

Sau khi anh Phạm Trần Kim Đ bị chiếm đoạt số tiền 107.000.000 đồng, anh Nguyễn Nguyễn Văn H bị chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra để xử lý;

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 02 phiếu thu tiền; 01 Biên lai thu tiền; 01 Quyển phiếu thu có bìa màu xanh, đóng dấu vuông tên: "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC T; đường H, P. T, TP BMT; Email:

truongthinh@gmail.com" và 01 quyển "HỒ SƠ PHÁP LÝ" của Công ty Cổ phần dịch vụ hợp tác Q – Chi nhánh H;

Quá trình điều tra xác định: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk không cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty Xuất khẩu lao động nguồn nhân lực Trường Thịnh Đăk Lăk; Tại địa chỉ đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì không có công ty nào tên: Công ty Xuất khẩu lao động nguồn nhân lực Trường Thịnh Đăk Lăk thuê mặt bằng từ tháng 3/2020 tại địa chỉ trên;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk không cấp phép cho Công ty Xuất khẩu lao động nguồn nhân lực Trường Thịnh Đắk Lắk, danh sách các doanh nghiệp được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài không có Công ty Xuất khẩu lao động nguồn nhân lực Trường Thịnh Đắk Lắk. Vào đầu năm 2020, không có công ty, tổ chức hoặc cá nhân nào được phép đưa người lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc. Việc đưa người lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc (gọi tắt là Chương trình EPS – Visa E9) do Sở Lao động – Thương binh và xã hội trực tiếp phối hợp với Trung tâm lao động ngoài nước (thuộc Bộ Lao động thương binh và xã hội) tổ chức đưa đi;

Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk cung cấp: Đối với Chương trình thời vụ VISA E8 (đưa người lao động đi xuất khẩu ngắn hạn ở Hàn Quốc) thì tại thời điểm đầu năm 2020, không có công ty, tổ chức hoặc cá nhân nào được phép đưa người lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc theo chương trình trên. Trên cả nước chỉ có một số tỉnh đã ký thoả thuận với địa phương ở Hàn Quốc thì người lao động có hộ khẩu thường trú trong tỉnh mới được đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc theo chương trình trên và Trung tâm dịch vụ việc làm trực thuộc Sở là đơn vị trực tiếp tuyển chọn, hoàn thiện hồ sơ và phải cử lao động sang làm việc tại Hàn Quốc. Theo đó, vào đầu năm 2020, tỉnh Đắk Lắk chưa triển khai Chương trình thời vụ VISA E8, nên người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Lắk không đi xuất khẩu lao động ngắn hạn theo chương trình thời vụ VISA E8 ở Hàn Quốc được;

Tại Kết luận giám định số 327 ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị X dưới mục "Chủ tài khoản/Người đề nghị" trên tài liệu cần giám định ký hiệu Al so với chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị X dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra. - Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị X dưới mục "NGƯỜI LẬP" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị X dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người hay không;

Tại bản cáo trạng số: 268/CT- VKS-HS, ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phan Thị X về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị X khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Thị X từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm tù;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về dân sự: Bị cáo Phan Thị X đã chiếm đoạt của anh Phạm Trần Kim Đ số tiền 107.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 đồng; anh Đ, anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên; Do đó buộc bị cáo Phan Thị X phải bồi thường cho anh Phạm Trần Kim Đ 107.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 30.000.000 đồng;

Bị cáo Phan Thị X không bào chữa, không tranh luận gì đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Phan Thị X đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Phạm Trần Kim Đ số tiền 107.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 đồng; Tổng giá trị tài sản Phan Thị X chiếm đoạt của các bị hại là 137.000.000 đồng;

Như vậy hành vi bị cáo Phan Thị X thực hiện đã phạm vào tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại anh Phạm Trần Kim Đ tổng số tiền 107.000.000 đồng, chiếm đoạt của người bị hại Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 đồng; tổng số tiền Phan Thị X chiếm đoạt là 137.000.000 đồng; do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *“Phạm tội 02 lần trở lên”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội;

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là ông Phan Văn L là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phòng hạng nhì, huân chương kháng chiến hạng ba...; tại phiên tòa, người bị hại có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta;

Ngoài ra Phan Thị X khai nhận đã nhờ ông Lê Hữu T nhận tiền làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động của 6 người, cụ thể: Từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2020, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Phan Thị X nhờ ông Lê Hữu T nhận hồ sơ, nhận tiền của người lao động gồm: Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với số tiền cọc 10.000.000 đồng; Chị Lê Thị H, địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 30.000.000 đồng; Anh Võ Viết L, địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện Er, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 30.000.000; Anh Hoàng Văn Đ, địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 30.000.000 đồng và chị Phạm Thị P, địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền 130.000.000 đồng. Sau khi thu của người lao động thì ông T đã chuyển khoản số tiền 78.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 63210000269603 ngân hàng BIDV- CN Đ mang tên Phan Thị X, giao trực tiếp cho X số tiền là 46.000.000

đồng tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và số tiền 6.000.000 đồng là tiền hoa hồng môi giới đi xuất khẩu lao động bị cáo X trích lại cho ông T. Sau khi biết bị cáo Phan Thị X lừa đảo chiếm đoạt tiền, ông Lê Hữu T đã làm đơn yêu cầu khởi tố gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã có Thông báo số 408 ngày 26/5/2021 về việc trả lời đơn, hướng dẫn ông T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 17/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có công văn trao đổi thông tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để xác minh, giải quyết theo quy định nhưng chưa có kết quả trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra để xác minh xử lý theo quy định pháp luật;

Đối với người nam giới tên D, được bị cáo Phan Thị X nhờ đặt làm con dấu vuông tên Công ty: "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC TRƯƠNG THỊNH ĐĂK LĂK; đường H, P. T, TP BMT"; người tên Trần Đình H có nhờ bị cáo giới thiệu người đi xuất khẩu lao động để hưởng hoa hồng, Cơ quan điều tra hiện chưa xác minh, làm việc được nên tách ra tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau;

Đối với con dấu vuông tên: "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC TRƯƠNG THỊNH ĐĂK LĂK; đường H, P. T, TP BMT"; Email: truongthinh@gmail.com" và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO (không rõ đặc điểm, số IMEI) bị cáo Phan Thị X sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý;

Đối với ông Lê Hữu T được bị cáo Phan Thị X nhờ thu số tiền 22.000.000 đồng của anh Phạm Trần Kim Đ. Quá trình điều tra xác định: Phan Thị X nhờ ông T giới thiệu, môi giới và nhận tiền của người lao động sau đó đưa lại cho X để được hưởng hoa hồng môi giới. Sau đó ông T đã chuyển hết số tiền 22.000.000 đồng cho X. Ông T không biết, không hưởng lợi từ việc X đưa ra thông tin gian dối về việc tổ chức làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối ông Lê Hữu T;

Đối với : 02 phiếu thu tiền; 01 Biên lai thu tiền; 01 Quyển phiếu thu có bìa màu xanh, đóng dấu vuông tên: "CTY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC TRƯƠNG THỊNH ĐĂK LĂK; đường H, P. T, TP BMT"; Email: truongthinh@gmail.com" và 01 quyển "HỒ SƠ PHÁP LÝ" của Công ty Cổ phần dịch vụ hợp tác Q – Chi nhành H, là các tang vật chứng của vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án;

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo (không rõ đặc điểm) bị cáo Phan Thị X dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra bị cáo khai nhận do điện thoại đã bị hư nên bị cáo đã vứt bỏ (không rõ đĩa điểm), Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý;

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phan Thị X đã chiếm đoạt của anh Phạm Trần Kim Đ số tiền 107.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 đồng;

tại phiên tòa người bị hại, anh Đ và anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên; Do đó buộc bị cáo Phan Thị X phải bồi thường cho anh Phạm Trần Kim Đ 107.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 30.000.000 đồng;

[4] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị X phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt bị cáo Phan Thị X 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 19/6/2023;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phan Thị X phải bồi thường cho người bị hại anh Phạm Trần Kim Đ số tiền 107.000.000 đồng *(Một trăm lẻ bảy triệu đồng);* bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng);*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Thị X phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 6.850.000đ *(Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT1- TAND Tối cao;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. Buôn Ma Thuột;*
- *Công an TP. Buôn Ma Thuột;*
- *Thi hành án dân sự TP. BMT;*
- *Bị cáo; Các đương sự;*
- *Lưu HS; Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**
	Đỗ Thị Diễm Hương